

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 - 31
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành được chuyển đổi từ Công ty TNHH (02TV) Tiến Thành từ ngày 04 tháng 11 năm 2003. Mã số doanh nghiệp của Công ty là 0100596523 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất và gia công hàng mã;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành thời trang, vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016
Ông Nguyễn Thành Lê	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2017
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Đào Vũ Thịnh Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Trọng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Phí Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh



Số : 115.../2017/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiên Thành, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiên Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Bùi Thị Ngọc Lâm

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

CH
ĐN
CH
A
NA
/H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.206.081.038	152.131.335.951
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.582.810.299	50.109.429.330
1.	Tiền	111	V.01	10.582.810.299	50.109.429.330
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.042.344.466	90.764.926.250
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	76.265.011.065	49.913.338.285
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.362.592.480	50.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	414.740.921	40.801.587.965
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		84.083.533.844	10.976.640.181
1.	Hàng tồn kho	141	V.05	84.083.533.844	10.976.640.181
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.497.392.429	280.340.190
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	43.892.075	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.453.102.391	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	397.963	280.340.190
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.413.198.270	34.304.941.066
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		34.200.000.000	34.200.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	34.200.000.000	34.200.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.584.242.813	64.322.872
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.584.242.813	64.322.872
	- Nguyên giá	222		4.341.380.610	733.420.610
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(757.137.797)	(669.097.738)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	9.516.870.000	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.516.870.000	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		112.085.457	40.618.194
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	112.085.457	40.618.194
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		256.619.279.308	186.436.277.017

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		64.402.872.089	53.274.911.752
I.	Nợ ngắn hạn	310		64.402.872.089	53.274.911.752
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	52.657.158.570	18.917.318.624
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.544.000.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	71.481	842.332.573
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.050.556	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	14.591.482	8.515.260.555
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	5.180.000.000	25.000.000.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.000.000.000	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		192.216.407.219	133.161.365.265
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.12	192.216.407.219	133.161.365.265
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		129.999.980.000	100.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		129.999.980.000	100.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.394.830.504	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.821.596.715	33.161.365.265
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		766.554.761	766.534.761
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		60.055.041.954	32.394.830.504
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		256.619.279.308	186.436.277.017

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu



Trịnh Thanh Tươi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Phượng

Tổng Giám đốc




Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	158.240.472.550	116.120.698.270
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		158.240.472.550	116.120.698.270
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	89.685.360.088	76.860.879.203
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.555.112.462	39.259.819.067
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	176.678.260	230.581.300
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.245.324.956	3.938.427.721
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.050.556	3.148.144.445
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	3.569.090.909	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	3.581.115.367	1.233.210.718
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.336.259.490	34.318.761.928
11.	Thu nhập khác	31		347	59.100
12.	Chi phí khác	32	VI.05	281.217.883	1.874.418.413
13.	Lợi nhuận khác	40		(281.217.536)	(1.874.359.313)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.055.041.954	32.444.402.615
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	49.572.111
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		60.055.041.954	32.394.830.504
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	4.620	2.415
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	4.620	2.415

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trịnh Thanh Tươi

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		60.055.041.954	32.444.402.615
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		88.040.059	105.750.611
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.557.451.702	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.270.363)	(227.028.285)
-	Chi phí lãi vay	06		7.050.556	3.148.144.445
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.699.313.908	35.471.269.386
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.450.578.380)	(117.086.349.999)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.106.893.663)	(3.183.638.703)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		36.948.290.745	13.367.162.162
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(115.359.338)	(36.964.407)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(8.515.260.555)	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(49.572.111)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.590.059.394)	(71.468.521.561)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.607.960.000)	(50.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.516.870.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	120.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.270.363	227.028.285
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.116.559.637)	120.177.028.285

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.180.000.000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.000.000.000)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.820.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(39.526.619.031)	48.708.506.724
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		50.109.429.330	1.400.922.606
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		10.582.810.299	50.109.429.330

Người lập biểu



Trịnh Thanh Tươi

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Phượng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Sản xuất và gia công hàng mã;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành thời trang, vật liệu xây dựng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công ty đang áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có số lao động là người khuyết tật bình quân trong năm chiếm từ 30% trở lên trên tổng số lao động bình quân trong năm của doanh nghiệp (trừ hoạt động tài chính và hoạt động chuyển nhượng bất động sản) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 10296/CCT-TTHT-AC ngày 06/7/2016 của Chi cục thuế quận Long Biên về việc miễn thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	5.341.626.999	85.483.049
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.241.183.300	50.023.946.281
Cộng	10.582.810.299	50.109.429.330

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (**)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác			9.516.870.000	-	9.516.870.000	-	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang (*)	12,71%	12,71%	3.816.870.000	-	3.816.870.000	-	-	-	-	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Văn Anh	19,00%	19,00%	5.700.000.000	-	5.700.000.000	-	-	-	-	-
Cộng			9.516.870.000	-	9.516.870.000			-	-	-

(*): Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang tại 31/12/2016 là 381.687 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần;

(**): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác tại 31/12/2016 được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	76.265.011.065	49.913.338.285
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú	35.377.744.000	-
- Công ty TNHH Tiếp Thị Việt	24.956.175.000	5.564.785.000
- Công ty TNHH Một thành viên thép Trọng Dương	8.768.826.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Văn Anh	6.797.725.510	18.330.343.020
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành	-	17.575.155.015
- Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú Miền Nam	221.620.855	8.443.055.250
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	142.919.700	-
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	76.265.011.065	49.913.338.285
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	7.019.346.365	26.773.398.270
- Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú Miền Nam	221.620.855	8.443.055.250
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Minh Văn Anh	6.797.725.510	18.330.343.020
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	7.019.346.365	26.773.398.270

04. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	414.740.921	-	40.801.587.965	-
- Tạm ứng	414.591.048	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	40.800.000.000	-
- Phải thu khác	149.873	-	1.587.965	-
b. Dài hạn	34.200.000.000	-	34.200.000.000	-
- Phải thu khác	34.200.000.000	-	34.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam (*)	34.200.000.000	-	34.200.000.000	-
Cộng	34.614.740.921	-	75.001.587.965	-

(*) Là khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam để xây dựng dây chuyền sản xuất rượu công suất 1,95 triệu lít/năm tại khu công nghiệp Kim Bình, Tp Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và phát triển thương hiệu rượu Vodka EMJ. Tỷ lệ góp vốn là 67%. Thời gian hợp tác từ ngày 03/01/2015 đến hết ngày 05/5/2054. Lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Đến ngày 31/12/2016, dự án đang trong giai đoạn đầu tư xin cấp phép.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	175.298.369	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.614.518.467	-	2.611.085.467	-
- Hàng hoá	81.469.015.377	-	8.190.256.345	-
Cộng	84.083.533.844	-	10.976.640.181	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	389.963.585	112.300.000	-	231.157.025	733.420.610
- Mua trong năm	-	-	3.607.960.000	-	3.607.960.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	389.963.585	112.300.000	3.607.960.000	231.157.025	4.341.380.610
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	389.963.585	112.300.000	-	166.834.153	669.097.738
- Khấu hao trong năm	-	-	54.504.222	33.535.837	88.040.059
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	389.963.585	112.300.000	54.504.222	200.369.990	757.137.797
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-	64.322.872	64.322.872
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-	3.553.455.778	30.787.035	3.584.242.813

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 683.420.610 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.607.960.000 VND và 3.554.178.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	43.892.075	-
- Chi phí bảo hiểm xe ô tô	43.892.075	-
b. Dài hạn	112.085.457	40.618.194
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	94.931.615	40.618.194
- Các khoản khác	17.153.842	-
Cộng	155.977.532	40.618.194

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	5.180.000.000
- Vay ngân hàng	25.000.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	5.180.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội (*)	25.000.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	5.180.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	5.180.000.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội để thanh toán tiền mua sắt thép phế liệu, thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất khoản vay là 9,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 3.554.178.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	52.657.158.570	52.657.158.570	18.917.318.624	18.917.318.624
- Active Creation Apprarel SDN.BHD	46.946.340.000	46.946.340.000	17.613.867.304	17.613.867.304
- Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành	4.447.765.250	4.447.765.250	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Chuyển giao công nghệ	775.000.000	775.000.000	775.000.000	775.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	341.472.020	341.472.020	341.472.020	341.472.020
- Công ty Cổ phần Kiểm định và Kỹ thuật xây dựng Hà Nội	146.581.300	146.581.300	176.581.300	176.581.300
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	-	-	10.398.000	10.398.000
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	52.657.158.570	52.657.158.570	18.917.318.624	18.917.318.624

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	788.042.280	3.341.183.310	4.129.623.553	397.963	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	244.514.472	-	2.187.803.338	1.943.288.866	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	35.825.718	-	536.256.790	500.431.072	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	49.572.111	-	49.572.111	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.718.182	71.481	4.718.182	-	71.481
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	7.168.097	7.168.097	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	280.340.190	842.332.573	6.075.483.016	6.637.801.881	397.963	71.481

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	14.591.482	8.515.260.555
- Kinh phí công đoàn	14.591.482	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	8.515.260.555
+ Lãi vay phải trả	-	8.515.260.555
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.591.482	8.515.260.555

12. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	-	766.534.761	100.766.534.761
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	32.394.830.504	32.394.830.504
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	-	33.161.365.265	133.161.365.265
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	-	33.161.365.265	133.161.365.265
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	60.055.041.954	60.055.041.954
Tăng khác	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (*)	29.999.980.000	-	(29.999.980.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	1.394.830.504	(2.394.830.504)	(1.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	129.999.980.000	1.394.830.504	60.821.596.715	192.216.407.219

(*): Ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/3/2016 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 21 tháng 11 năm 2016 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 là ngày 28/12/2016. Ngày dự kiến giao dịch đầu tiên của số cổ phiếu này là ngày 03/02/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ	-	0	-	0
Vốn góp của các cổ đông khác	129.999.980.000	100,00	100.000.000.000	100,00
Cộng	129.999.980.000	100,00	100.000.000.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	29.999.980.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	129.999.980.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.999.980.000	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.999.998	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.999.998	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.999.998	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.999.998	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.999.998	10.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.394.830.504	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	1.394.830.504	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	158.237.172.550	116.110.798.270
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.300.000	9.900.000
Cộng	158.240.472.550	116.120.698.270

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú Miền Nam	26.618.528.050	26.004.350.000
Cộng	26.618.528.050	26.004.350.000

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	89.412.386.488	76.219.638.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	272.973.600	641.241.203
Cộng	89.685.360.088	76.860.879.203

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.270.363	227.028.285
- Lãi chênh lệch tỷ giá	168.407.897	3.553.015
Cộng	176.678.260	230.581.300

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	7.050.556	3.148.144.445
- Lỗ chênh lệch tỷ giá, khác	1.238.274.400	790.283.276
Cộng	1.245.324.956	3.938.427.721

05. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản tổn thất xử lý	-	1.867.271.039
- Các khoản bị phạt chậm nộp	103.941.212	-
- Các khoản khác	177.276.671	7.147.374
Cộng	281.217.883	1.874.418.413

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	3.581.115.367	1.233.210.718
- Chi phí nhân viên quản lý	2.265.336.805	800.472.361
- Chi phí đồ dùng văn phòng	44.081.009	9.996.210
- Chi phí khấu hao TSCĐ	88.040.059	105.750.611
- Thuế, phí và lệ phí	10.179.097	46.956.995
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.173.478.397	270.034.541
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.569.090.909	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.569.090.909	-
Cộng	7.150.206.276	1.233.210.718

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	49.572.111
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	49.572.111

Công ty áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp do có số lao động là người khuyết tật trên 30% trong tổng số lao động bình quân trong năm, cụ thể:

- Tổng số lao động bình quân trong năm 2016 của Công ty là 25 lao động;
- Tổng số lao động là thương binh và người khuyết tật là 17 lao động, chiếm 68% tổng số lao động bình quân trong năm.

Công ty đã được Sở Lao động thương binh Xã hội Hà Nội công nhận là cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật theo Quyết định số 223/QĐ-LĐTBXH ngày 23/3/2015 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% số lao động trở lên là người khuyết tật.

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	60.055.041.954	32.394.830.504
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.055.041.954	32.394.830.504
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	1.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.999.998	12.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.620	2.415

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	60.055.041.954	32.394.830.504
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	60.055.041.954	32.394.830.504
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	1.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.999.998	12.999.998
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.620	2.415

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	2.538.310.405	1.441.713.564
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.040.059	105.750.611
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.569.090.909	270.034.541
- Chi phí khác bằng tiền	1.231.171.503	56.953.205
Cộng	7.426.612.876	1.874.451.921

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

- Cổ tức bằng cổ phiếu: 29.999.980.000 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Lãi tiền cho vay	-	225.327.778

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
+ Tạm ứng	47.806.750	-
Cộng nợ phải thu	47.806.750	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	341.220.000	222.210.760
Cộng	341.220.000	222.210.760

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú Miền Nam

Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang

Mối quan hệ

Ông Nguyễn Hữu Trường là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành, đồng thời là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú miền Nam

Ông Nguyễn Hữu Trường là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành, đồng thời là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Gạch ngói Kiên Giang

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan được trình bày theo thuyết minh số VI.01. Ngoài ra, không có giao dịch nào khác phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày theo thuyết minh V.02. Ngoài ra, không còn công nợ nào khác tại 31/12/2016.

03. Thay đổi chính sách kế toán

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và điều chỉnh lại số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm do Công ty thực hiện tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.239	(824)	2.415
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.239	(824)	2.415

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thời trang: Kinh doanh các sản phẩm của ngành thời trang;
- Lĩnh vực kinh doanh khác: Kinh doanh vật liệu xây dựng, sắt thép phế liệu, điều hoà không khí;
- Lĩnh vực dịch vụ: Gia công hàng mã.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Kinh doanh thời trang</u>	<u>Kinh doanh mặt hàng khác</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	117.817.258.000	40.419.914.550	3.300.000	158.240.472.550
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	50.834.944.090	46.796.123.972	273.144.998	97.904.213.060
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	66.982.313.910	(6.376.209.422)	(269.844.998)	60.336.259.490
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.807.138.587	963.053.323	-	3.770.191.910
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	100.481.479	34.472.477	-	134.953.956
Số cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.338.431.455	141.981.167.554	-	202.319.599.009
- Tài sản không phân bổ				54.299.680.299
Tổng tài sản	60.338.431.455	141.981.167.554	-	256.619.279.308
- Nợ phải trả bộ phận	55.071.387.913	8.331.484.176	-	63.402.872.089
- Nợ phải trả không phân bổ				1.000.000.000
Tổng nợ phải trả	55.071.387.913	8.331.484.176	-	64.402.872.089

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.582.810.299	-	50.109.429.330	-	10.582.810.299	50.109.429.330
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	76.265.160.938	-	84.114.926.250	-	76.265.160.938	84.114.926.250
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	86.847.971.237	-	134.224.355.580	-	86.847.971.237	134.224.355.580

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	52.657.158.570	18.917.318.624	52.657.158.570	18.917.318.624
Vay và nợ	5.180.000.000	25.000.000.000	5.180.000.000	25.000.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.050.556	8.515.260.555	7.050.556	8.515.260.555
Cộng	57.844.209.126	52.432.579.179	57.844.209.126	52.432.579.179

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.06 và V.08).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2016.

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	52.657.158.570	-	-	52.657.158.570
Vay và nợ	5.180.000.000	-	-	5.180.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	7.050.556	-	-	7.050.556
Cộng	57.844.209.126	-	-	57.844.209.126
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	18.917.318.624	-	-	18.917.318.624
Vay và nợ	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.515.260.555	-	-	8.515.260.555
Cộng	52.432.579.179	-	-	52.432.579.179

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt trong đó chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” đã được điều chỉnh hồi tố theo thuyết minh số VIII.03 .

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trịnh Thanh Tươi

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh